

# LUẬN ĐẠI THỪA A-TỶ-ĐẠT-MA TẬP

## QUYỂN 2

### PHẨM 1: BA PHÁP TRONG PHẦN BẢN SỰ (Phần 2)

Lại nữa, uẩn, giới, xứ nếu phân biệt rộng thì thế nào? Ốt-tha-nam rằng:

*Tánh thật có thấy, sở tri thấy,  
Sắc, thấy, lậu thấy, đã sinh thấy,  
Đời quá khứ thấy các duyên thấy,  
Bao nhiêu thứ duyên, là nghĩa gì.*

Trong uẩn, giới, xứ, thế nào là thật có? Có bao nhiêu thứ là thật có? Vì sao lại quán thật có? Là không chờ danh ngôn, các căn cảnh khác này là nghĩa thật có, tất cả đều là thật có. Để lia bỏ chấp trước thật có ngã, nên quán sát thật có.

Thế nào là giả có? Có bao nhiêu giả có? Vì sao lại quán giả có? Là chờ danh ngôn, các căn cảnh khác này là nghĩa giả có, tất cả đều là giả có. Để lia bỏ chấp trước thật có ngã, nên quán sát giả có.

Thế nào là thế tục có? Có bao nhiêu thế tục có? Vì sao lại quán thế tục có? Sự bám lấy tạp nhiễm, là nghĩa của thế tục có, tất cả đều là thế tục có. Để xả chấp trước tạp nhiễm là tướng ngã, nên quán sát thế tục có.

Thế nào là thắng nghĩa có? Có bao nhiêu thắng nghĩa có? Vì sao lại quán thắng nghĩa có? Sự bám lấy thanh tịnh là nghĩa thắng nghĩa có, tất cả đều là thắng nghĩa có. Để xả chấp trước tướng ngã thanh tịnh, nên quán sát thắng nghĩa có.

Thế nào là sở tri (đối tượng nhận biết)? Có bao nhiêu sở tri? Vì sao quán sở tri? Sở tri có năm thứ:

1. Sắc.
2. Tâm.
3. Pháp sở hữu của tâm.
4. Tâm bất tương ưng hành.

### 5. Vô vi.

Hoặc ở xứ đó là tạp nhiễm và thanh tịnh, hoặc là sở tạp nhiễm và sở thanh tịnh, hoặc năng tạp nhiễm và năng thanh tịnh, hoặc ở phần vị này, hoặc tánh thanh tịnh này, do nương vào năm thứ ấy mà tất cả đều là sở tri.

Sắc trong đây là sắc uẩn, mười cõi Sắc, mười sắc xứ và các sắc thuộc về pháp giới pháp xứ

Tâm là thức uẩn, thất thức giới và ý xứ, pháp sở hữu của tâm, là một phần của thọ uẩn, tướng uẩn tương ứng với hành uẩn và pháp giới pháp xứ.

Tâm bất tương ứng hành là một phần của bất tương ứng hành uẩn và pháp giới pháp xứ.

Vô vi là một phần của pháp giới pháp xứ.

Lại nữa, pháp sở tri là sở hành của trí thắng giải, sở hành của trí đạo lý, sở hành của trí bất tán, sở hành của trí nội chứng, sở hành của trí tha tánh, sở hành của hạ trí, sở hành của thượng trí, sở hành của trí yếm hoạn, sở hành của trí bất khởi, sở hành của trí vô sinh, sở hành của trí trí, sở hành của trí rốt ráo, sở hành của trí đại nghĩa. Đó là nghĩa sở tri, tất cả đều là sở tri. Để xả chấp trước người biết, người thấy là ngã, nên quán sát sở tri.

Thế nào là sở thức? Có bao nhiêu sở thức? Vì sao lại quán sở thức? Vì không phân biệt, có phân biệt, vì nhân, vì chuyển, vì tướng, vì tướng sở sinh, vì năng trị sở trị, khác nhau nhỏ nhiệm đó là nghĩa sở thức, tất cả đều là sở thức. Để xả chấp trước người, năng thấy đồng với ngã, nên quán sát sở thức.

Thế nào là sở thông đạt? Có bao nhiêu sở thông đạt? Vì sao lại quán sở thông đạt? Vì chuyển biến, vì tùy nghe, vì nhập hạnh, vì đến, vì đi, vì xuất ly, là nghĩa của sở thông đạt, tất cả đều là sở thông đạt. Để xả chấp trước ngã là có oai đức, cho nên quán sát sở thông đạt.

Thế nào là hữu sắc? Có bao nhiêu hữu sắc? Vì sao lại quán hữu sắc? Vì tự tánh của sắc, dựa vào Đại chủng, vui tập hợp, có nơi chốn, xứ đủ khắp, nơi chốn có thể nói, sở hành của phương xứ, cả hai đồng sở hành, vì thuộc nhau, vì theo đuổi, hiển rõ, biến hoại, nêu bày, chứa nhóm, kiến lập, ngoại môn, nội môn, lâu dài, giới hạn, tạm thời, thị hiện, đó là nghĩa của hữu sắc, tất cả đều là hữu sắc, hoặc tùy theo sự thích ứng, để xả chấp trước hữu sắc là ngã, nên quán sát hữu sắc.

Thế nào là vô sắc? Có bao nhiêu vô sắc? Vì sao phải quán vô sắc? Trái với hữu sắc là nghĩa của vô sắc, tất cả đều là vô sắc, hoặc tùy



theo sự thích ứng, để xả chấp trước vô sắc là ngã, nên quán sát vô sắc. Thế nào là hữu kiến? Có bao nhiêu hữu kiến? Vì sao lại quán hữu kiến? Cảnh sở duyên hành của nhãn (mắt) là nghĩa có kiến, các sai khác khác cũng nói như hữu sắc, tất cả đều là hữu kiến, hoặc tùy theo sự thích ứng, để xả chấp trước cảnh của nhãn là ngã, nên quán sát hữu kiến.

Thế nào là vô kiến? Có bao nhiêu vô kiến? Vì sao lại quán vô kiến? Trái với hữu kiến là nghĩa của vô kiến, tất cả đều là vô kiến, hoặc tùy theo sự thích ứng, để xả chấp trước chẳng phải cảnh của nhãn là ngã, nên quán sát vô kiến.

Thế nào là hữu đối? Có bao nhiêu hữu đối? Vì sao lại quán hữu đối? Các thứ hữu kiến đều là hữu đối. Lại nữa, có ba nhân nên gọi là hữu đối:

1. Chung loại.
2. Chứa nhóm.

3. Không tu trị chủng loại, là các sắc pháp làm năng ngại lẫn nhau và làm sở ngại lẫn nhau. Chứa nhóm, là cực vi trở lên. Không tu trị là chẳng phải sắc ở Tam-ma-địa tự tại chuyển.

Lại nữa, tổn hại chỗ nương là nghĩa có đối, tất cả đều là hữu đối hoặc tùy theo sự thích ứng, để xả bỏ chấp trước hành bất biến là ngã, nên quán sát hữu đối.

Thế nào là vô đối? Có bao nhiêu vô đối? Vì sao lại quán vô đối? Trái với hữu đối là nghĩa của vô đối, tất cả đều là vô đối, hoặc tùy theo sự thích ứng, để xả bỏ chấp trước biến hành là ngã, nên quán sát vô đối.

Thế nào là hữu lậu? Có bao nhiêu hữu lậu? Vì sao lại quán hữu lậu? Vì tự tánh của lậu, tương thuộc lậu, chỗ lệ thuộc của lậu, thuận theo lậu, chủng loại lậu, đó là nghĩa hữu lậu. Toàn phần năm thủ uẩn, mười lăm giới, mười xứ và phần ít của hai xứ nơi ba giới là hữu lậu. Để xả chấp trước lậu hợp với ngã, nên quán sát hữu lậu.

Thế nào là vô lậu? Có bao nhiêu vô lậu? Vì sao lại quán vô lậu? Trái với hữu lậu là nghĩa vô lậu. Toàn phần năm vô thủ uẩn và phần ít ba giới hai xứ là vô lậu, vì xả chấp trước lìa lậu là ngã, nên quán sát vô lậu.

Thế nào là hữu tránh (tranh cãi)? Có bao nhiêu hữu tránh? Vì sao lại quán hữu tránh? Vì dựa theo tham sân si như vậy, mà cầm chắc dao gây phát khởi tất cả tranh chấp thừa kiện cãi lầy. Đó là tự tánh, những cái đó thuộc nhau trói nhau tùy thuộc, thuận theo, chủng loại kia, đó là

nghĩa hữu tránh, cho đến hữu lậu có số lượng cỡ nào thì hữu tránh cũng vậy. Để xả chấp trước tranh cãi hợp với ngã, nên quán sát hữu tránh. Thế nào là vô tránh? Có bao nhiêu vô tránh? Vì sao lại quán vô tránh? Trái với hữu tránh là nghĩa vô tránh, cho đến vô lậu có số lượng cỡ nào, thì vô tránh cũng vậy. Để xả chấp trước là tranh chấp là ngã, nên quán sát vô tránh.

Thế nào là hữu nhiễm? Có bao nhiêu hữu nhiễm? Vì sao lại quán hữu nhiễm? Nghĩa là y theo tham sân si như vậy mà đắm nhiễm chấp hậu hữu của mình, tự tánh, lệ thuộc trói buộc, theo đuổi thuận theo, chủng loại, đó là nghĩa hữu nhiễm, cho đến hữu tránh có số lượng cỡ nào, thì hữu nhiễm cũng vậy. Để xả chấp trước nhiễm hợp với ngã, nên quán sát hữu nhiễm.

Thế nào là vô nhiễm? Có bao nhiêu vô nhiễm? Vì sao lại quán vô nhiễm? Trái với hữu nhiễm là nghĩa vô nhiễm, cho đến vô tránh có số lượng cỡ nào, thì vô nhiễm cũng vậy. Để xả chấp trước là nhiễm là ngã, nên quán sát vô nhiễm.

Thế nào là dựa vào đăm mê? Có bao nhiêu dựa vào đăm mê? Vì sao lại quán dựa vào đăm mê? Dựa vào theo tham sân si như vậy nên đắm nhiễm năm dục, vì tự tánh, thuộc nhau trói buộc, theo đuổi, thuận theo, chủng loại, đó là nghĩa của đăm mê, cho đến có nhiễm có số lượng cỡ nào thì dựa theo đăm mê cũng vậy. Để xả chấp trước đăm mê hợp với ngã, nên quán sát dựa vào đăm mê.

Thế nào là dựa vào xuất ly? Có bao nhiêu dựa vào xuất ly? Vì sao lại quán dựa vào xuất ly? Trái với dựa vào đăm mê là nghĩa của dựa vào xuất ly, cho đến vô nhiễm có số lượng cỡ nào thì xuất ly cũng vậy. Để xả chấp trước là đăm mê là ngã, nên quán sát xuất ly.

Thế nào là hữu vi? Có bao nhiêu hữu vi? Vì sao lại quán hữu vi? Nếu pháp có sinh diệt trụ dị, nên biết đó là nghĩa có vi, tất cả đều là hữu vi, chỉ trừ một phần của pháp giới pháp xứ. Để xả chấp trước vô thường là ngã, nên quán sát hữu vi.

Thế nào là vô vi? Có bao nhiêu vô vi? Vì sao lại quán vô vi? Trái với hữu vi là nghĩa của vô vi, một phần của pháp giới pháp xứ là vô vi. Để xả chấp trước thường trụ là ngã, nên quán sát vô vi.

Không chấp giữ năm uẩn phải nói là hữu vi hay vô vi? Không chấp giữ năm uẩn không nên nói là hữu vi hay vô vi. Tại sao? Vì nghiệp phiền não không làm nhiễm được, do đó không nên nói là hữu vi. Vì tùy theo dục hiện tiền hay không hiện tiền, do đó không nên nói là vô vi. Như Thế tôn nói: “pháp có hai thứ, là hữu vi và vô vi”, vì sao nay nói

pháp này không phải hữu vi, không phải là vô vi? Tức hoặc do nghĩa ấy nên nói là hữu vi, không do nghĩa ấy nên nói là vô vi, hoặc do nghĩa này nói là vô vi, không do nghĩa này nói là hữu vi. Dựa theo đạo lý đó chỉ nói hai thứ.

Thế nào là thế gian? Có bao nhiêu thế gian? Vì sao lại quán thế gian? Là sự thâm nhiếp của ba cõi và trí xuất thế, trí hậu sở đắc tương tự hiển hiện, là nghĩa thế gian. Một phần các uẩn, toàn phần mười lăm giới, mười xứ và một phần, hai xứ là của ba giới thế gian. Để xả chấp trước thế gian nương vào ngã, nên quán sát thế gian.

Thế nào là xuất thế gian? Có bao nhiêu xuất thế gian? Vì sao lại quán xuất thế gian? Là có thể đối trị ba cõi, không điên đảo, không hý luận, không phân biệt, đó là nghĩa xuất thế gian vô phân biệt. Lại nữa, sở đắc sau khi xuất thế cũng gọi là xuất thế, vì nương vào thế xuất gian, nên nghĩa là xuất thế gian. Một phần của các uẩn và một phần, hai xứ của ba giới là xuất thế gian. Để xả chấp trước ngã tồn tại riêng, nên quán sát xuất thế.

Thế nào là đã sinh (dĩ sinh)? Có bao nhiêu đã sinh? Vì sao lại quán dĩ sinh? Nghĩa là quá khứ và hiện tại là nghĩa đã sinh, một phần của tất cả là nghĩa đã sinh. Để xả chấp trước ngã là phi thường nên quán sát đã sinh. Lại có hai mươi bốn thứ đã sanh là: Tối sơ đã sinh, nối nhau đã sinh, trưởng dưỡng đã sinh, y chỉ đã sinh, chuyển biến đã sinh, thành thực đã sinh, thoái đọa đã sinh, thắng tiến đã sinh, thanh tịnh đã sinh, bất thanh tịnh đã sinh, vận chuyển đã sinh, hữu chủng đã sinh, vô chủng đã sinh, ảnh tượng tự tại thị hiện đã sinh, triển chuyển đã sinh, sát-na hoại đã sinh, ly hội đã sinh, dị vị đã sinh, sinh tử đã sinh, thành hoại đã sinh, tiên thời đã sinh, tử thời đã sinh, trung thời đã sinh, tục thời đã sinh.

Thế nào là chẳng phải đã sinh? Có bao nhiêu chẳng phải đã sinh? Vì sao lại quán chẳng phải đã sinh? Là vị lai và pháp vô vi là nghĩa chẳng phải đã sinh, một phần của tất cả là chẳng phải đã sinh. Để xả chấp trước ngã thường trụ, nên quán sát chẳng phải đã sinh. Lại nữa, trái với đã sinh là nghĩa chẳng phải đã sinh.

Thế nào là năng thủ? Có bao nhiêu năng thủ? Vì sao lại quán năng thủ? Các sắc căn và tâm, tâm sở là nghĩa của năng thủ. Toàn phần ba uẩn, một phần của sắc uẩn và hành uẩn, toàn phần mười hai giới, sáu xứ và một phần của pháp giới pháp xứ là năng thủ. Để xả chấp trước năng thọ dụng là ngã, nên quán sát năng thủ. Lại nữa, năng thủ có bốn thứ là:

1. Bất chí năng thủ.
2. Chí năng thủ.
3. Tự tướng hiện tại năng thủ của mỗi mỗi đều cảnh giới riêng.
4. Năng thủ của tự tướng cộng tướng ở tất cả thời tất cả cảnh giới.

Lại nữa, do thức hòa hợp v.v... Cùng sinh nên giả lập làm năng thủ.

Thế nào là sở thủ? Có bao nhiêu sở thủ? Vì sao lại quán sở thủ? Các năng thủ cũng là sở thủ, hoặc có khi sở thủ không phải năng thủ, chỉ là nghĩa về chốn hành của thủ, tất cả đều là sở thủ. Để xả chấp trước cảnh giới là ngã, nên quán sát sở thủ.

Thế nào là ngoại môn? Có bao nhiêu ngoại môn? Vì sao lại quán ngoại môn? Pháp lệ thuộc cõi Dục là nghĩa ngoại môn, trừ sự sinh văn, tư tuệ do nương vào Phật giáo hóa và chỗ thâm nhiếp tâm tâm sở của tùy pháp hành. Toàn phần hai xứ của bốn giới và một phần còn lại, chỗ thâm nhiếp của cõi Dục là ngoại môn. Để xả chấp trước không lìa dục là ngã, nên quán sát ngoại môn.

Thế nào là nội môn? Có bao nhiêu nội môn? Vì sao lại quán nội môn? Trái với ngoại môn là nghĩa nội môn, trừ ra toàn phần hai xứ của bốn giới và một phần còn lại, là nội môn. Để xả chấp trước lìa dục là ngã, nên quán sát nội môn.

Thế nào là nhiễm ô? Có bao nhiêu nhiễm ô? Vì sao lại quán nhiễm ô? Pháp bất thiện và pháp hữu phú vô ký là nghĩa nhiễm ô. Hữu phú vô ký, là ý biến hành tương ứng với phiền não và phiền não thuộc cõi Sắc và cõi Vô sắc, một phần các uẩn, mười giới, bốn xứ là nhiễm ô. Để xả chấp trước phiền não hợp với ngã, nên quán sát nhiễm ô.

Thế nào là không nhiễm ô? Có bao nhiêu không nhiễm ô? Vì sao lại quán không nhiễm ô? Pháp thiện và pháp vô phú vô ký là nghĩa không nhiễm ô. Toàn phần tám giới, tám xứ, một phần các uẩn và các giới, xứ còn lại là không nhiễm ô. Để xả chấp trước lìa phiền não là ngã, nên quán sát không nhiễm ô.

Thế nào là quá khứ? Có bao nhiêu quá khứ? Vì sao lại quán quá khứ? Vì tự tướng đã sinh đã diệt, nhân quả đã thọ dụng, công dụng nhiễm tịnh đã lui mất, thâm nhiếp nhân đã hoại, có hay không có quả và tự tướng, tướng nhớ nghĩ phân biệt, tướng luyến ái làm tạp nhiễm, tướng xả làm thanh tịnh, đó là nghĩa của quá khứ, một phần của tất cả là quá khứ, vì bỏ chấp trước trôi lăn là ngã, nên quán sát quá khứ.

Thế nào là vị lai? Có bao nhiêu vị lai? Vì sao lại quán vị lai? Hữu

nhân không phải là đã sinh, tự tướng chưa đắc, nhân quả chưa thọ dụng, tánh tạp nhiễm và tánh thanh tịnh chưa hiện tiền, có hay không nhân và tự tướng, hy vọng là tướng tạp nhiễm, bất hy vọng là tướng thanh tịnh, đó là nghĩa vị lai, một phần của tất cả là vị lai. Để xả chấp trước trôi lăn là ngã, nên quán sát vị lai.

Thế nào là hiện tại? Có bao nhiêu hiện tại? Vì sao lại quán hiện tại? Vì tự tướng đã sinh chưa diệt, nhân quả thọ dụng và chưa thọ dụng, tạp nhiễm, thanh tịnh chánh thức hiện tiền, có thể hiển tướng của quá khứ và vị lai ở tác dụng hiện tiền, đó là nghĩa hiện tại, một phần của tất cả là hiện tại. Để xả chấp trước trôi lăn là ngã, nên quán sát hiện tại.

Vì sao quá khứ, vị lai và hiện tại, nói là việc của danh, ngôn không phải Niết-bàn v.v...? Vì là điều chứng bên trong, không thể nói, nhưng đã từng ngay trong hiện tại là chỗ nương của lời nói.

Thế nào là thiện? Có bao nhiêu thiện? Vì sao lại quán thiện? Vì tự tánh, lệ thuộc, theo đuổi, phát khởi, thắng nghĩa, sinh đắc, gia hạnh, hiện tiền cúng dường, làm lợi ích, dẫn dắt, đối trị, vắng lặng, đấng lưu, đó là nghĩa thiện, một phần năm uẩn, mười giới và bốn xứ là thiện. Để xả chấp trước pháp hợp với ngã, nên quán sát thiện.

Thế nào là thiện tự tánh? Là mười một pháp sở hữu của tâm như tín...

Thế nào là thiện cùng thuộc? Là cùng thuộc về pháp.

Thế nào là thiện theo đuổi? Là tập khí của các pháp.

Thế nào là thiện phát khởi? Là sự phát khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp .

Thế nào là thiện thắng nghĩa? Là chân như.

Thế nào là thiện sinh đắc? Tức là các pháp thiện, do trước kia đã tập quen nên chiêu cảm được quả báo như vậy, vì tự tánh này ngay ở chỗ đó, không do tư duy tùy ý lạc trụ.

Thế nào là thiện gia hạnh? Là nương vào thiện thân cận trợ lực phụ thiện, nghe chánh pháp, tác ý như lý tu tập tịnh, pháp thiện, tùy pháp mà hành.

Thế nào là thiện hiện tiền cúng dường? Là nghĩ tưởng đối với Như Lai, xây dựng tôn miếu, họa vẽ tôn dung, hoặc nghĩ tưởng đối với chánh pháp, biên chép pháp tạng cúng dường.

Thế nào là khéo làm lợi ích? Là dùng bốn nhiếp sự mà làm lợi ích cho hữu tình.

Thế nào là thiện dẫn dắt? Là tánh thí, phước sự nghiệp và giới tánh phước nghiệp sự mà dẫn dắt gồm sinh vui cõi trời, khi dị thực thì



dẫn dắt sinh nhà giàu sang. Sự dẫn dắt thuận theo pháp thanh tịnh.

Thế nào là thiện đối trị? Là đối trị chán hoại, đối trị đoạn, đối trị trì, đối trị viễn phần, đối trị phục, đối trị ly hệ, đối trị chướng phiền não, đối trị chướng sở tri.

Thế nào là thiện vắng lặng? Là dứt hẳn tham dục, dứt hẳn sân hận, dứt hẳn ngu si, dứt hẳn tất cả phiền não, dứt hẳn tướng thọ diệt, là hoặc Niết-bàn giới hữu dư y, hoặc Niết-bàn giới vô dư y, hoặc Niết-bàn giới vô sở trụ.

Thế nào là thiện đấng lưu? Là người đã được vắng lặng, do năng lực tăng thượng này mà phát khởi công đức cộng, công đức bất cộng thế gian xuất thế của thân thông phẩm thù thắng.

Thế nào là bất thiện? Có bao nhiêu bất thiện? Vì sao lại quán bất thiện? Vì tự tánh, lệ thuộc nhau, theo đuổi, phát khởi, thắng nghĩa, sinh đắc, gia hạnh, hiện tiền cúng dường, tổn hại, dẫn dắt, chỗ đối trị, chướng ngại, đó là nghĩa của bất thiện. Một phần của năm uẩn, mười giới và bốn xứ là bất thiện. Để xả chấp trước phi pháp hợp với ngã, nên quán sát bất thiện.

Thế nào là bất thiện tự tánh? Là trừ nhiễm ô tương ưng ý và phiền não cõi Sắc, cõi Vô Sắc, các chỗ còn lại có thể phát khởi hành vi ác theo phiền não và tùy phiền não.

Thế nào là bất thiện lệ thuộc nhau? Tức là phiền não và tùy phiền não này tương ưng với pháp.

Thế nào là bất thiện theo đuổi? Tức là tập khí.

Thế nào là bất thiện phát khởi? Là sự khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Thế nào là bất thiện thắng nghĩa? Là tất cả trôi lăn.

Thế nào là bất thiện sinh đắc? Do tập quen bất thiện mà chiêu cảm quả dị thực như vậy, do tự tánh này, ngay nơi bất thiện nhậm vận lạc trụ.

Thế nào là bất thiện gia hạnh? Là nương tựa gần gũi trợ giúp không phải thiện, nghe pháp bất chánh, không khởi ý mà như lý thực hành hành vi ác nơi thân và ngữ.

Thế nào là bất thiện hiện tiền cúng dường? Là nghĩ tưởng đối với trở về nương tựa theo một thiên chúng, hoặc ý sát hại làm đầu, hoặc ý tà ác làm đầu, kiến lập miếu thờ tạo sự cúng dường rộng, khiến cho vô lượng chúng làm nhiều việc phi phước.

Thế nào là bất thiện tổn hại? Là đối với tất cả xứ khởi các thứ hạnh tà của thân ngữ ý.

Thế nào là bất thiện dẫn dắt? Là đã thực hành các hành vi ác của thân ngữ ý rồi, hoặc đường ác hoặc đường thiện dẫn dắt quả dị thực không yêu thích, hoặc dẫn hoặc tạo đủ.

Thế nào là bất thiện sở trị? Là các pháp đối trị và sở đối trị.

Thế nào là bất thiện chướng ngại? Là có thể làm chướng ngại các pháp phẩm thiện.

Thế nào là vô ký? Có bao nhiêu vô ký? Vì sao lại quán vô ký? Vì tự tánh, lệ thuộc nhau, theo đuổi, phát khởi, thắng nghĩa, sinh đắc, gia hạnh, hiện tiền cúng dường, làm lợi ích, thọ dụng, dẫn dắt, đối trị, vắng lặng, đẳng lưu, đó là nghĩa của vô ký. Toàn phần tám giới tám xứ và một phần các uẩn giới xứ còn lại là vô ký. Để xả chấp trước làm pháp, phi pháp là ngã, nên quán sát vô ký.

Thế nào là vô ký tự tánh? Là tám cõi Sắc xứ tương ưng với ý, mạng căn, chúng đồng phần, danh, cú, văn thân...

Thế nào là vô ký lệ thuộc nhau? Là người giữ ôm tâm không uế, không tịnh, tất cả do nhiếp thọ tâm pháp tâm sở của danh cú, văn thân.

Thế nào là vô ký theo đuổi? Tức là hý luận và tập khí.

Thế nào là vô ký phát khởi? Là sự thâm nhiếp các pháp tâm, tâm sở, sự phát khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp.

Thế nào là vô ký thắng nghĩa? Là hư không và phi trạch diệt.

Thế nào là vô ký sinh đắc? Là các pháp bất thiện, pháp thiện hữu lậu và dị thực.

Thế nào là vô ký gia hạnh? Là người có tâm thiên không nhiễm không thiện, tất cả đường oai nghi và xứ pháp công xảo.

Thế nào là vô ký hiện tiền cúng dường? Như có một tướng đối nơi quy y theo một thiên chúng, xa lìa ý sát hại, tà ác kiến, dựng lập miếu thờ, rộng làm việc cúng dường, khiến cho vô lượng chúng tại xứ như vậy sinh trưởng phước và phi phước.

Thế nào là vô ký làm lợi ích? Như có người đối với tôi tớ vợ con của mình, đem tâm không uế không tịnh mà thực hành ân tuệ thí.

Thế nào là vô ký thọ dụng? Như có người dùng tâm không chọn lựa không nhiễm ô, thọ dụng vật dụng tài sản.

Thế nào là vô ký dẫn nhiếp? Như có người đối với xứ công xảo luyện tập quen, trong đời sau sẽ dẫn dắt thân tướng như vậy, do thân này nên luyện tập xứ công xảo mau chóng tốt ráo.

Thế nào là vô ký đối trị? Như có người vì trị tật bệnh mà được an lạc, vì tâm chọn lựa khéo uống thuốc.

Thế nào là vô ký vắng lặng? Là các phiền não cõi Sắc và cõi Vô sắc, do chỗ ẩn tàng của Xa-ma-tha.

Thế nào là vô ký đẳng lưu? Là phẩm cùng sinh của tâm biến hóa.

Lại có thị hiện pháp thiện bất thiện vô ký. Pháp này là thế nào? Là Phật và Đại Bồ-tát đặc rất ráo bậc nhất, vì muốn làm lợi ích cho hữu tình nên có chỗ thị hiện, phải biết trong đây không có một pháp nào thật có.

Thế nào là lệ thuộc cõi Dục? Có bao nhiêu lệ thuộc cõi Dục? Vì sao lại quán lệ thuộc cõi Dục? Là chỗ có pháp thiện bất thiện và vô ký của người chưa lìa dục, đó là nghĩa lệ thuộc cõi Dục. Toàn phần bốn giới hai xứ và một phần các uẩn giới xứ còn lại là ràng buộc cõi Dục. Để xả chấp trước chưa lìa dục của cõi Dục là ngã, nên quán sát lệ thuộc cõi Dục.

Thế nào là lệ thuộc cõi Sắc? Có bao nhiêu lệ thuộc cõi Sắc? Vì sao lại quán lệ thuộc cõi Sắc? Là người đã lìa dục của cõi Dục, chưa lìa dục cõi Sắc, chỗ có pháp thiện và vô ký, đó là nghĩa lệ thuộc cõi Sắc. Trừ chỗ nói bốn giới hai xứ ra, còn lại một phần uẩn giới xứ là lệ thuộc cõi Sắc để xả bỏ chấp trước lìa dục của cõi Dục là ngã, nên quán sát lệ thuộc cõi Sắc.

Thế nào là lệ thuộc cõi Vô sắc? Có bao nhiêu lệ thuộc cõi Vô sắc? Vì sao lại quán lệ thuộc cõi Vô sắc? Là người đã lìa dục của cõi Sắc, chưa lìa dục của cõi Vô sắc, chỗ có pháp thiện và vô ký đó là nghĩa lệ thuộc cõi vô sắc. Một phần ba giới hai xứ bốn uẩn, là lệ thuộc cõi Vô sắc. Để xả chấp trước lìa dục cõi Sắc là ngã, nên quán sát lệ thuộc cõi Vô sắc.

Lại nữa, có ly dục nhất phần, ly dục cụ phần, ly dục thông đạt, ly dục tổn phục, ly dục vĩnh hại. Lại có mười thứ ly dục:

1. Ly dục tự tánh.
2. Ly dục tổn hại.
3. Ly dục nhậm trì.
4. Ly dục tăng thượng.
5. Ly dục ngu si.
6. Ly dục đối trị.
7. Ly dục biết khắp.
8. Ly dục dứt hẳn.
9. Ly dục hữu thượng.
10. Ly dục vô thượng.

Thế nào là ly dục tự tánh? Là khổ thọ và thuận khổ thọ nơi xứ pháp sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục tổn hại? Là người quen tập các dục, thuận thích và nhiệt não đã sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục nhậm trì? Là đã ăn no rồi đối với các món ngon sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục tăng thượng ly dục? Là đã đắc xứ thù thắng đối với xứ thấp kém sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục ngu si? Là kẻ ngu đối với Niết-bàn giới sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục đối trị? Là do đạo thế gian và xuất thế gian dứt các phiền não.

Thế nào là ly dục biết khắp? Là người đã được kiến đạo, đối với pháp ba cõi sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục dứt hẳn? Là đã dứt hẳn các phiền não ở các địa rồi sinh tánh chán trái.

Thế nào là ly dục hữu thượng? Là tất cả sự ly dục của Thanh văn, Độc giác ở thế gian.

Thế nào là ly dục vô thượng? Là tất cả sự ly dục của Phật và Bồ-tát, là vì muốn tạo lợi lạc cho các hữu tình.

Thế nào là Hữu học? Có bao nhiêu Hữu học? Vì sao lại quán Hữu học? Là tất cả pháp thiện của người giải thoát, là nghĩa của Hữu học. Một phần của mười giới bốn xứ và các uẩn, là Hữu học. Để xả chấp trước cầu giải thoát là ngã, nên quán sát Hữu học.

Thế nào là Vô học? Có bao nhiêu Vô học? Vì sao lại quán Vô học? Là tất cả pháp thiện của người đối với các học xứ đã được rốt ráo, là nghĩa của Vô học. Vì xả chấp trước đã giải thoát là ngã, nên quán sát Vô học.

Thế nào là Phi học phi Vô học? Có bao nhiêu Phi học phi Vô học? Vì sao lại quán Phi học phi Vô học? Là tất cả pháp thiện, bất thiện, vô ký của hàng dị sinh, pháp nhiễm ô, vô ký của các vị học và pháp Vô ký cùng pháp Vô vi của các bậc Vô học, là nghĩa của Phi học phi Vô học. Toàn phần tám giới tám xứ và một phần uẩn giới xứ còn lại, là Phi học phi Vô học. Để xả chấp trước không giải thoát là ngã, nên quán sát Phi học phi Vô học.

Thế nào là kiến sở đoạn (do thấy đạo mà đoạn)? Có bao nhiêu kiến sở đoạn? Vì sao lại quán kiến sở đoạn? Là sự khởi, kiến, nghi, nhiễm ô kiến xứ, nghi xứ của phân biệt, đối với sự khởi hạnh tà, phiền

não, tùy phiền não của kiến..., và do chỗ phát nghiệp thân ngữ ý của kiến... gồm uẩn giới xứ của tất cả đường ác... là nghĩa của kiến sở đoạn. Một phần của tất cả là kiến sở đoạn. Để xả chấp trước kiến viên mãn là ngã, nên quán sát kiến sở đoạn.

Thế nào là tu sở đoạn (do tu đạo mà dứt trừ)? Có bao nhiêu tu sở đoạn? Vì sao lại quán tu sở đoạn? Là đắc kiến đạo sau kiến sở đoạn, trái với các pháp hữu lậu là nghĩa của tu sở đoạn. Một phần của tất cả là tu sở đoạn. Để xả chấp trước tu viên mãn là ngã, nên quán sát tu sở đoạn.

Thế nào là phi sở đoạn? Có bao nhiêu phi sở đoạn? Vì sao lại quán phi sở đoạn? Là các pháp vô lậu trừ thuận phần quyết trạch ra là phi sở đoạn. Một phần của mười giới bốn xứ và các uẩn là phi sở đoạn. Để xả chấp trước thành tựu đủ là ngã, nên quán sát phi sở đoạn.

Thế nào là duyên sinh? Có bao nhiêu duyên sinh? Vì sao lại quán duyên sinh? Vì tướng, chi phân biệt, chi lược nhiếp, chi kiến lập duyên, chi kiến lập nêu nghiệp, chi tạp nhiếp nhiếp, nghĩa, sâu xa, sai khác, thuận nghịch, là nghĩa duyên sinh. Tất cả đều là duyên sinh, chỉ trừ một phần của pháp giới pháp xứ và các pháp Vô vi. Để xả bỏ chấp trước vô nhân và nhân bất bình đẳng là ngã pháp, nên quán sát duyên sinh.

Thế nào là tướng? Là duyên sinh vô tác, duyên sinh vô thường, duyên sinh thế dụng, đó là tướng duyên sinh.

Thế nào là chi phân biệt? Là chia duyên sinh làm thành mười hai phần, mười hai phần? Là vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già chết.

Thế nào là chi lược nhiếp? Là chi năng dẫn, chi sở dẫn, chi năng sinh, chi sở sinh, chi năng dẫn: Là vô minh, hành, thức. Chi sở dẫn: Là danh sắc, sáu xứ, xúc thọ. Chi năng sinh: Là ái, thủ, hữu. Chi sở sinh: Là sinh, già, chết.

Thế nào là kiến lập chi duyên? Là tập khí, dẫn phát, tư duy, cùng hiện hữu. Kiến lập chi duyên tùy theo sự thích ứng của nó.

- Thế nào là kiến lập chi tạo nghiệp? Là vô minh có hai thứ nghiệp:

1. Khiến các hữu tình đối với hữu ngu si.

2. Làm duyên với hành.

- Hành có hai thứ nghiệp:

1. Khiến các hữu tình trong các cõi có vô số sai khác.

2. Làm duyên với thức, vì do huân tập.

- Thức có hai thứ nghiệp:

1. Giữ vững tất cả nghiệp trôi buộc của các hữu tình.
2. Làm duyên với danh sắc.
  - Danh sắc có hai thứ nghiệp:
    1. Thâu nhiếp tự thể của các hữu tình.
    2. Làm duyên với sáu xứ.
      - Sáu xứ có hai thứ nghiệp:
        1. Thâu nhiếp tự thể viên mãn của các hữu tình.
        2. Làm duyên với xúc.
          - Xúc có hai thứ nghiệp:
            1. Khiến các hữu tình đối với điều thọ dụng cảnh giới trôi lăn.
            2. Làm duyên với thọ.
              - Thọ có hai thứ nghiệp:
                1. Khiến các hữu tình đối với điều thọ dụng sinh quả trôi lăn.
                2. Làm duyên với ái.
                  - Ái có hai thứ nghiệp:
                    1. Dẫn các hữu tình trôi lăn nơi sinh tử.
                    2. Làm duyên với thủ.
                      - Thủ có hai thứ nghiệp:
                        1. Thủ Hậu hữu, khiến các hữu tình phát thức hữu thủ.
                        2. Làm duyên với sinh.
                          - Hữu có hai thứ nghiệp:
                            1. Khiến các hữu tình hậu hữu hiện tiền.
                            2. Làm duyên với sinh.
                              - Sinh có hai thứ nghiệp:
                                1. Khiến danh sắc, sáu xứ, xúc, thọ của các hữu tình thứ lớp sinh khởi.
                                2. Làm duyên với già chết.
                                  - Già chết có hai thứ nghiệp:
                                    1. Thường khiến cho thời phân của hữu tình thay đổi.
                                    2. Thường khiến cho thọ mạng của hữu tình thay đổi.

Thế nào là thuộc về chi tạp nhiễm thâu nhiếp? Hoặc vô minh, hoặc ái, hoặc thủ, là sự thâu nhiếp của phiền não tạp nhiễm. Hoặc hành, hoặc thức, hoặc hữu, là sự thâu nhiếp của nghiệp tạp nhiễm, ngoài ra là thuộc về sinh tạp nhiễm.

Thế nào là nghĩa? Là nghĩa không tác giả, nghĩa có nhân, nghĩa là hữu tình, nghĩa y tha khởi, nghĩa vô tác dụng, nghĩa vô thường, nghĩa có sát-na, nghĩa nhân quả nối nhau không dứt, nghĩa nhân quả tương tự nhiếp thọ, nghĩa nhân quả sai khác, nghĩa nhân quả quyết định, đó là

nghĩa duyên khởi.

Thế nào là sâu xa? Là nhân sâu xa, tướng sâu xa, sinh sâu xa, trụ sâu xa, chuyển sâu xa, đó là nghĩa sâu xa. Lại nữa, các pháp duyên khởi tuy sát-na diệt nhưng trụ có thể đạt được, tuy không có duyên tác dụng nhưng có duyên công năng có thể đạt, tuy là hữu tình nhưng hữu tình có thể đạt được, tuy không tác giả nhưng các nghiệp quả không hoại có thể đạt được, đó là sâu xa. Lại nữa, các pháp duyên khởi, không từ tự sinh, không từ tha sinh, không từ cộng sinh, không phải không có nhân của tự tạo, tha tạo sinh, đó là sâu xa.

Thế nào là sai khác? Là thức sinh sai khác, nội tử sinh sai khác, ngoại cốc v.v... Sinh sai khác, thành hoại sai khác, thực trì sai khác, cõi ái phi ái phân biệt sai khác, thanh tịnh sai khác, oai đức sai khác. Đó là nghĩa sai khác.

Thế nào là thuận nghịch? Là tạp nhiễm thuận nghịch, thanh tịnh thuận nghịch, đó là nói thuận nghịch của duyên khởi.

